

BẢNG 04b: TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ THEO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện Ba Vì	Tòa huyện Đông Anh	Toàn huyện Gia Lâm	Toàn huyện Sóc Sơn	Toàn huyện Thạch Thất	Toàn quận Nam Từ Liêm (Sử dụng chỉ tiêu còn lại của kỳ 2016-	Toàn huyện Sóc Sơn	
1	Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt	1417,35	6.096,56	1.441,07	1.760,56	975,03	28,09	41,10	- Quyết định số 5153/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 1425/QĐ-UBND ngày 27/4/2022; số 5149/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5135/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5162/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5154/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5150/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5186/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5168/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5165/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5163/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 257/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; số 5152/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5151/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5167/QĐ-UBND ngày 08/12/2021; số 5148/QĐ-UBND ngày 07/12/2021; số 5164/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 và số 5182/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND Thành phố v/v phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện; Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND Thành phố v/v điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa - Chỉ tiêu đất rừng thực hiện chuyển tiếp theo quy định tại khoản 9 Điều 49 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch năm 2018
2	Kết quả thực hiện (từ ngày 01/01/2021 đến tháng 02/2024)	300,13	1.407,18	155,14	360,38	494,80	21,60	-	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư	-	-	-	-		-	-	
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư	-	-	-	-		-	-	
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	-	480,41	-	-	41,3	-	-	Văn bản số 162/TTg-NN ngày 05/02/2021; số 832/TTr-NN ngày 16/6/2021; số 357/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 358/TTg-NN ngày 19/4/2022; số 637/TTg-NN ngày 22/7/2022; số 1175/TTg-NN ngày 19/12/2022, số 1230/TTg-NN ngày 27/12/2022; số 10/TTg-NN ngày 28/01/2023; số 92/TTg-NN ngày 01/3/2023; số 174/TTg-NN ngày 23/3/2023; số 232/TTg-NN ngày 07/4/2023; số 310/TTg-NN ngày 26/4/2023; số 366/TTg-NN ngày 05/5/2023; số 1132/TTg-NN ngày 20/11/2023; số 1262/TTg-NN ngày 30/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ;
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	300,13	926,77	155,14	360,38	453,5	21,60	-	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 6/7/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND Thành phố; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại	-	-	-	-	-	-	-	
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện								
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	1.117,22	4.689,38	1.285,93	1.400,18	480,23	6,49	41,10	